

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HS-ST.
Ngày: 29-11-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Văn Ty.

+ Ông Huỳnh Văn Lai.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Kim Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với:

- ***Bị cáo:*** **Tăng Văn Vũ L** - Sinh năm: 1996.

+ Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre.

+ Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Trình độ học vấn: 06/12.

+ Nghề nghiệp: Làm thuê.

+ Dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không.

+ Con ông Tăng Văn L, con bà Cao Thị D.

+ Bị cáo chưa có vợ.

+ Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Có 02 tiền sự:

• Ngày 16/01/2019, bị Công an xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt) theo Quyết định xử

phạt vi phạm hành chính số: 01/QĐ-XPHC ngày 16/01/2019 của Công an xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Ngày 12/3/2019, bị Công an xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt) theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 13/QĐ-XPHC ngày 12/3/2019 của Công an xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Về nhân thân:

- Ngày 17/9/2012 bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn là 24 (hai mươi bốn) tháng theo Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số: 1564/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đến ngày 18/9/2014 chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng (Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số: 321/GCN-TGD ngày 18/9/2014 của Trường Giáo dưỡng số D).

- Ngày 22/7/2019 bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 01 (một) năm 03 (ba) tháng theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 46/2019/QĐ-TA ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

+ Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy Y.

+ Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh **Nguyễn Văn H** - Sinh năm: 1984, trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Chị **Trần Mai T** - Sinh năm: 1988, trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Mai T: Anh **Nguyễn Văn H** - Sinh năm: 1984, trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 09/9/2019, anh H vắng mặt).*

- *Người làm chứng: Bà **Cao Thị D** - Sinh năm: 1978; trú tại: ấp E, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 14 giờ ngày 21 tháng 4 năm 2019, lợi dụng lúc anh Nguyễn Văn H, chị Trần Mai T không có mặt tại nhà, bị cáo Tăng Văn Vũ L đã đi bộ đến nhà của anh H, chị T mở chốt cửa sau nhà, vào bên trong nhà lấy một cái điện thoại di động hiệu HTC One Max được để trên bộ ván rồi đi đến phòng ngủ lấy 01 (một) con heo đất (bên trong có số tiền là 1.200.000đ (một triệu

hai trăm ngàn đồng)) rồi rời khỏi nhà của anh H, chị T. Bị cáo đi đến khu vực đất vườn của bà Nguyễn Thị B, đập vỡ con heo đất và lấy tiền bỏ vào túi quần, nhặt các mảnh vỡ của con heo đất ném xuống sông, đồng thời kiểm tra số tiền bên trong con heo đất là 1.200.000đ (một triệu hai trăm ngàn đồng). Đến khoảng 20 giờ ngày 21/4/2019, anh H, chị T phát hiện mất tài sản nêu trên nên trình báo với cơ quan Công an xã B.

Vật chứng thu giữ gồm có:

Một cái điện thoại di động hiệu HTC, model HTC One Max, màu trắng bạc, không bao gồm thẻ nhớ, dung lượng bộ nhớ 32GB, đã qua sử dụng (không có ốp camera trước, ốp lưng sau không gắn vào điện thoại được);

Một giấy chứng minh nhân dân số: 321545065 do Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 05/7/2018 mang tên Tăng Văn Vũ L.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐĐG ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre đã kết luận:

Một cái điện thoại di động hiệu HTC, model HTC One Max, màu trắng bạc, không bao gồm thẻ nhớ, dung lượng bộ nhớ 32GB, đã qua sử dụng (không có ốp camera trước, ốp lưng sau không gắn vào điện thoại được) có giá trị còn lại tại thời điểm cần định giá (ngày 21/4/2019) là 1.200.000đ (một triệu hai trăm ngàn đồng);

Một con heo đất tiền tiết kiệm bằng đất, có hoa văn, phía trên có một khe hở hình chữ nhật để bỏ tiền tiết kiệm vào bên trong con heo, có kích thước 15cm x 25cm, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại tại thời điểm cần định giá (ngày 21/4/2019) là 20.000đ (hai mươi ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 42/CT-VKS ngày 11 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Tăng Văn Vũ L về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Người làm chứng vẫn giữ nguyên lời trình bày như trong giai đoạn điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Tăng Văn Vũ L phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Tăng Văn Vũ L từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã xử lý xong. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị hại vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt bị hại không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị hại là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Các hoạt động tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không bị khiếu nại và được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định được: Vào ngày 21/4/2019, bị cáo Tăng Văn Vũ L đã có hành vi chiếm đoạt: Một cái điện thoại di động hiệu HTC One Max, 01 (một) con heo đất (bên trong có số tiền là 1.200.000đ (một triệu hai trăm ngàn đồng)) của anh H, chị T. Tổng số tiền và giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh H, chị T là 2.420.000đ (hai triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo Tăng Văn Vũ L được thực hiện một cách lén lút với lỗi cố ý nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi này đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại và đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được quy định trong Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Việc truy tố bị cáo ra xét xử tại phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Tăng Văn Vũ L đã phạm "*Tội trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Trong lượng hình, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[6.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo có sự tác động để mẹ ruột của bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại - Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i, h, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); ngoài ra bị cáo có ông nội là liệt sĩ nên áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6.2] Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhưng bị cáo là người có nhân thân không tốt, đã nhiều lần vi phạm pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật và cải tạo, giáo dục được bị cáo đồng thời góp phần có hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[7] Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại một cái điện thoại di động hiệu HTC One Max và số tiền do mẹ ruột của bị cáo (bà Cao Thị D bồi thường thay cho bị cáo là 1.220.000đ (một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự. Đây là sự tự nguyện của bị hại và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm có:

[9.1] Một cái điện thoại di động hiệu HTC, model HTC One Max, màu trắng bạc, không bao gồm thẻ nhớ, dung lượng bộ nhớ 32GB, đã qua sử dụng (không có ốp camera trước, ốp lưng sau không gắn vào điện thoại được). Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã giao trả cho anh Nguyễn Văn H là phù hợp;

[9.2] Một giấy chứng minh nhân dân số: 321545065 do Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 05/7/2018 mang tên Tăng Văn Vũ L. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã giao trả cho bị cáo Tăng Văn Vũ L là phù hợp;

[9.3] Một con heo để tiền tiết kiệm bằng đất đã bị đập bể, không thu hồi được nên không xử lý.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Bị cáo Tăng Văn Vũ L phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Tăng Văn Vũ L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận việc anh Nguyễn Văn H, chị Trần Mai T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự.

[3] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Tăng Văn Vũ L phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Áp dụng các điều 331, 333, 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Mỏ Cày Nam;
- Công an huyện Mỏ Cày Nam (P.HSNV);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ sở Cai nghiện Ma túy Y;
- Sở Tư pháp X;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, T.H.A.H.S, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên